

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH
VỤ VDA – HẬU GIANG**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 21

U3004
TRÁC
AFC
C
TH K

G C
T
01/0

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG
Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Công ty

Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 642031000002 của Ban quản lý Các Khu Công Nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 2008 và Giấy Chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 4 năm 2012.

Văn phòng của Công ty được đặt Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Trong năm 2013, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hệ thống kho vận.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Trường Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Trường Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Thành Nam	Thành viên
Bà Bùi Hạnh Thu	Thành viên

Trường Ban kiểm soát

Ông Dương Phú Phong	Trường ban kiểm soát
---------------------	----------------------

Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Sơn	Tổng Giám đốc/ Bổ nhiệm ngày 01/4/2012
-------------------	--

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG
Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông HUYNH VĂN SƠN
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014

Số: 055B/2014/BCKT-CT.099

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẶC NHA
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 22 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG
 Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.147.669.259	2.498.693.682
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.079.132.259	2.175.198.687
Tiền	111		69.132.259	75.198.687
Các khoản tương đương tiền	112		4.010.000.000	2.100.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		-	189.625.625
Phải thu khách hàng	131		-	-
Trả trước cho người bán	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.2	559.106.250	581.000.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.3	(559.106.250)	(391.374.375)
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		68.537.000	133.869.370
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.000.000	15.480.828
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.6	-	60.551.542
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		65.537.000	57.837.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.989.664.326	50.536.421.547
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		259.260.221	13.282.470.260
Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	259.260.221	302.470.260
Nguyên giá	222		432.100.392	452.168.963
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(172.840.171)	(149.698.703)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	12.980.000.000
Bất động sản đầu tư	240		48.730.404.105	37.216.067.474
Nguyên giá	241	4.5	55.109.161.829	42.064.261.829
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(6.378.757.724)	(4.848.194.355)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	37.883.813
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	37.883.813
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.137.333.585	53.035.115.229

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.727.927.571	1.789.540.549
Nợ ngắn hạn	310		727.927.571	789.540.549
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312		-	-
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.6	128.431.792	111.513.159
Phải trả công nhân viên	315		45.380.769	4.381.798
Chi phí phải trả	316		15.000.000	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.7	539.115.010	673.645.592
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.8	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.409.406.014	51.245.574.680
Vốn chủ sở hữu	410	4.9	51.409.406.014	51.245.574.680
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		49.200.000.000	49.200.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.209.406.014	2.045.574.680
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.137.333.585	53.035.115.229

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG
Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



NGUYỄN NGỌC TÂM
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



HUỲNH VĂN SƠN
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG
 Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	2.888.392.954	3.622.254.462
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	2.888.392.954	3.622.254.462
Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.031.715.678	1.764.723.515
Lợi nhuận gộp	20		856.677.276	1.857.530.947
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	202.562.794	97.069.893
Chi phí tài chính	22		2.089.055	1.957.151
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	11.887.275
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		901.296.244	1.167.835.114
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		155.854.771	772.921.300
Thu nhập khác	31	5.4	139.976.563	-
Chi phí khác	32	5.5	132.000.000	132.000.000
Lợi nhuận khác	40		7.976.563	(132.000.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		163.831.334	640.921.300
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	-	23.778.186
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		163.831.334	617.143.114
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	33	128


 NGUYỄN NGỌC TÂM

Kế toán trưởng/ Người lập biểu




 HUỲNH VĂN SƠN

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	163.831.334	640.921.300
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.573.773.408	1.421.582.913
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	167.731.875	391.374.375
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(202.562.794)	(97.069.893)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.702.773.823	2.356.808.695
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	63.123.633	496.714.188
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(14.591.474)	(244.380.165)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	50.364.641	31.703.011
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(35.399.845)	(73.284.687)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.766.270.778	2.567.561.042
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(64.900.000)	(2.077.755.171)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	202.562.794	97.069.893
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	137.662.794	(1.980.685.278)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.300.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	1.300.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	1.903.933.572	1.886.875.764
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	2.175.198.687	288.322.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	4.079.132.259	2.175.198.687

NGUYỄN NGỌC TÂM
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu

HUYNH VĂN SƠN
 Tổng Giám đốc
 Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 642031000002 của Ban quản lý Các Khu Công Nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 2008 và Giấy Chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 4 năm 2012.

Văn phòng của Công ty được đặt Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Trong năm 2013, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hệ thống kho vận.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 3 người (31/12/2012: 3 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính ngoại trừ sự thay đổi trong chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng hướng dẫn kế toán mới như trình bày tại Thuyết minh số 3.2.

3.2 Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Hệ thống nhà kho	30 năm

3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ 24 tháng.

3.8 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.9 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

3.10 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

3.11 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Công ty được ưu đãi đầu tư về thuế TNDN theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 642031000002 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 2008, cấp thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 4 năm 2012, dự án này thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

- + Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm 2010;
- + Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2010, năm 2013 là năm thứ 4 Công ty được miễn thuế TNDN;
- + Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm kể từ năm 2014;

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	Việt Nam	Cổ đông lớn

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	13.038.062	24.947.505
Tiền gửi ngân hàng – VND	56.094.197	50.251.182
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND (*)	4.010.000.000	2.100.000.000
	4.079.132.259	2.175.198.687

(*) Số dư tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngày 31/12/2013 là 4.010.000.000 VND. Đây là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 6%/năm tại Ngân hàng MB - chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng SCB - chi nhánh Cần Thơ.

4.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu bồi thường	559.106.250	581.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG
 Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	(391.374.375)	-
Trích lập dự phòng trong năm	(167.731.875)	(391.374.375)
Số dư cuối năm	(559.106.250)	(391.374.375)

4.4 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2013	432.100.392	20.068.571	452.168.963
Giảm theo Thông tư 45	-	(20.068.571)	(20.068.571)
Vào ngày 31/12/2013	432.100.392	-	432.100.392
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2013	129.630.132	20.068.571	149.698.703
Khấu hao trong năm	43.210.039	-	43.210.039
Giảm theo Thông tư 45	-	(20.068.571)	(20.068.571)
Vào ngày 31/12/2013	172.840.171	-	172.840.171
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2013	302.470.260	-	302.470.260
Vào ngày 31/12/2013	259.260.221	-	259.260.221

4.5 Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Hệ thống kho VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2013	-	42.064.261.829	42.064.261.829
Tăng trong năm	13.044.900.000	-	13.044.900.000
Vào ngày 31/12/2013	13.044.900.000	42.064.261.829	55.109.161.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2013	-	4.848.194.355	4.848.194.355
Khấu hao trong năm	152.190.500	1.378.372.869	1.530.563.369
Vào ngày 31/12/2013	152.190.500	6.226.567.224	6.378.757.724
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2013	-	37.216.067.474	37.216.067.474
Vào ngày 31/12/2013	12.892.709.500	35.837.694.605	48.730.404.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.6 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	60.551.542

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	62.103.178	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.128.340	97.528.185
Thuế thu nhập cá nhân	4.200.274	13.984.974
	<u>128.431.792</u>	<u>111.513.159</u>

4.7 Phải trả khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	1.393.780	183.108
Bảo hiểm y tế	4.035.309	-
Phải trả xử lý xây dựng	501.223.437	641.000.000
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	30.300.000	30.300.000
Phải trả khác	2.162.484	2.162.484
	<u>539.115.010</u>	<u>673.645.592</u>

4.8 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000

Đây là khoản nhận ký quỹ dài hạn của Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) để thuê kho của Công ty.

4.9 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	47.900.000.000	1.441.559.906	49.341.559.906
Nhận vốn góp bằng tiền	1.300.000.000	-	1.300.000.000
Lãi trong năm 2012	-	617.143.114	617.143.114
Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(13.128.340)	(13.128.340)
Số dư tại ngày 01/01/2013	49.200.000.000	2.045.574.680	51.245.574.680
Lãi trong năm 2013	-	163.831.334	163.831.334
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>49.200.000.000</u>	<u>2.209.406.014</u>	<u>51.409.406.014</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đến thời điểm 31/12/2013 vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp vốn là 49.200.000.000 VND, so với vốn điều lệ đăng ký 60.000.000.000 VND thì vốn điều lệ chưa góp đủ là 10.800.000.000 VND.

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	6.000.000	60.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.920.000	49.200.000.000	4.920.000	49.200.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	4.920.000	49.200.000.000	4.920.000	49.200.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	-	-	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.920.000	49.200.000.000	4.920.000	49.200.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	4.920.000	49.200.000.000	4.920.000	49.200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	4.920.000	49.200.000.000	4.790.000	47.900.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	130.000	1.300.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	-	-
Giảm vốn cổ phần trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.920.000	49.200.000.000	4.920.000	49.200.000.000

Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông Công ty như sau:

	31/12/2013		01/01/2013	
	Vốn thực góp VND	Theo giấy phép VND	Vốn thực góp VND	Theo giấy phép VND
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	24.000.000.000	59.800.000.000	24.000.000.000	59.800.000.000
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	12.500.000.000	-	12.500.000.000	-
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn	12.500.000.000	-	12.500.000.000	-
Ông Lưu Đức Hòa	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Ông Phạm Hoàng Hà	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
	49.200.000.000	60.000.000.000	49.200.000.000	60.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.888.392.954	3.622.254.462

5.2 Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn dịch vụ	2.031.715.678	1.764.723.515

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	202.562.794	97.069.893

5.4 Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Thu nhập từ công nợ không phải trả	139.776.563	-
Thu nhập khác	200.000	-
	<u>139.976.563</u>	<u>-</u>

5.5 Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	132.000.000	132.000.000

5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	2013 VND	2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	163.831.334	640.921.300
Hoạt động kinh doanh miễn thuế	(176.618.968)	545.808.558
Hoạt động khác	340.450.302	95.112.742
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán		
Tăng do truy thu và phạt	3.300.000	-
Tăng do thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	132.000.000	132.000.000
Giảm do bổ sung chi phí khấu hao theo Thông tư 203	(765.762.706)	(765.762.706)
Tổng thu nhập chịu thuế	(466.631.372)	7.158.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	2013	2012
Thu nhập miễn thuế	(807.081.674)	(87.954.148)
Thu nhập khác thuế suất 25%	340.450.302	95.112.742
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	23.778.186
5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.574.532	40.772.424
Chi phí nhân công	651.542.667	609.633.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.573.773.408	1.421.582.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.244.153	230.347.398
Chi phí bằng tiền khác	291.939.889	236.940.194
	2.782.074.649	2.539.276.927
5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	163.831.334	617.143.114
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân năm	4.920.000	4.806.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	128

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.079.132.259	2.175.198.687
Phải thu	-	189.625.625
	4.079.132.259	2.364.824.312
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả khác	1.533.685.921	1.673.462.484
Chi phí phải trả	15.000.000	-
	1.548.685.921	1.673.462.484

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Trên cơ sở này và các khoản phải thu khách hàng của Công ty



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khác	533.685.921	1.000.000.000	1.533.685.921
Chi phí phải trả	15.000.000	-	15.000.000
	1.548.685.921	1.000.000.000	1.548.685.921

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khác	673.462.484	1.000.000.000	1.673.462.484
Chi phí phải trả	-	-	-
	673.462.484	1.000.000.000	1.673.462.484

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 Năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.079.132.259	-	4.079.132.259
Phải thu	-	-	-
	4.079.132.259	-	4.079.132.259

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.175.198.687	-	2.175.198.687
Phải thu	189.625.625	-	189.625.625
	2.364.824.312	-	2.364.824.312

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31/12/2013 và ngày 01/01/2013.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

Nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Các công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2013 VND	2012 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	Thuê xe Phải trả khác	- -	27.000.000 2.012.484
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho Phải thu tiền điện	2.738.952.000 136.250.795	2.738.952.000 106.249.431

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:


Các công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	Phải trả khác	(2.012.484)	(2.012.484)
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	Phải trả nhận ký quỹ Phải trả khác	(1.000.000.000) (150.000)	(1.000.000.000) (150.000)



Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

	2013 VND	2012 VND
Lương và thưởng	230.804.569	212.997.654
Các khoản khác	132.000.000	132.000.000
	<u>362.804.569</u>	<u>344.997.654</u>

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo qui định của chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh hệ thống kho vận và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.


NGUYỄN NGỌC TÂM
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



HUỲNH VĂN SƠN
Tổng Giám đốc
Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014